HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

NGHỊ ĐỊNH số 59-HĐBT ngày 12-4-1984 bổ sung nghị định số 145-HĐBT ngày 6-12-1983 của Hội đồng Bộ trưởng quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh về việc phát hành công trái xây dựng Tổ quốc.

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Để đáp ứng nguyện vọng của nhân dân muốn mua công trái bằng vàng;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Tổng giám đốc Ngân hàng Nhà nước,

NGHỊ ĐỊNH

Điều 1. — Ngoài các loại phiếu công trái ghi ở điều 2, điều 3 và điều 7 nghị định số 145-HĐBT ngày 6-12-1983, nay bổ sung thêm loại phiếu công trái thu và ghi bằng vàng.

Người có vàng có thể mua công trái bằng các hình thức như sau:

a) Bán vàng (hoặc bạc) cho Nhà nước theo giá kinh doanh của Ngân hàng Nhà nước ở thời điểm mua công trái, lấy tiền mua phiếu công trái thu và ghi bằng tiền Việt Nam và hưởng quyền lợi như người sở hữu phiếu công trái thu và ghi bằng tiền Việt Nam quy định tại điều 2 nghị định số 145-HĐBT.

b) Mua công trái trực tiếp bằng vàng. Trên phiếu công trái ghi rõ trọng lượng và chất lượng vàng.

Phiếu công trái thu và ghi bằng vàng, khi thanh toán, sẽ được trả bằng vàng theo đúng trọng lượng và chất lượng vàng ghi trên phiếu công trái. Riêng về số lãi được hưởng (bằng 20% trọng lượng vàng ghi trên phiếu công trái) thì được thanh toán bằng tiền Việt Nam, tính theo giá kinh doanh (mua vào) của Ngân hàng Nhà nước ở thời điểm thanh toán.

Nếu người sở hữu phiếu công trái muốn được thanh toán cả gốc lẫn lãi bằng tiền Việt Nam thì cũng được thanh toán toàn bộ bằng tiền, tính theo giá kinh doanh của Ngân hàng Nhà nước ở thời điểm thanh toán.

Điều 2. — Ngân hàng Nhà nước chịu trách nhiệm thu nhận, quản lý việc sử dụng và thanh toán số vàng mà nhân dân gửi mua công trái.

Điều 3. — Bộ trưởng Bộ Tài chính cùng Tổng giám đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn cụ thể việc thi hành nghị định này.

Hà Nội, ngày 12 tháng 4 năm 1984
T.M. Hội đồng Bộ trưởng
K.T. Chủ tịch
Phó chủ tịch
TỐ HỮU

QUYẾT ĐỊNH số 111-HĐBT ngày 25-8-1984 về danh mục những hàng hóa Nhà nước độc quyền kinh doanh, cấm tư nhân buôn bán.

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4 tháng 7 năm 1981;

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Tiếp theo nghị quyết số 188-HĐBT ngày 23-11-1982 của Hội đồng Bộ trưởng về tăng cường thương nghiệp xã hội chủ nghĩa và quản lý thị trường;

Để hướng dẫn việc kinh doanh của tư nhân theo đúng các chính sách kinh tế và pháp luật của Nhà nước, chống đầu cơ, buôn lậu, làm hàng giả, kinh doanh trái phép;

Theo đề nghị của Ban Chỉ đạo quản lý thị trường trung ương và các Bộ có liên quan,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. — Nay ban hành kèm theo quyết định này danh mục những hàng hóa Nhà nước độc quyền kinh doanh, cấm tư nhân buôn bán.

Điều 2. — Những quy định của các Bộ và Ủy ban nhân dân các cấp trái với quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 3. – Các Bộ chủ quản và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc trung ương căn cứ quyết định này mà quy định cụ thể, công bố công khai và hướng dẫn thi hành. Đối với một số nông sản, trong khi thương nghiệp xã hội chủ nghĩa chưa kịp vươn lên chiếm lĩnh thị trường thì tạm thời có thể cho phép tư nhân kinh doanh; khi nào thương nghiệp xã hội chủ nghĩa đã có đủ điều kiện để chiếm lĩnh thị trường thì công bố cấm tư nhân kinh doanh.

Điều 4. — Các cơ quan có chức năng phải kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ các hoạt động trên thị trường, xử lý nghiêm theo đúng quy định của pháp luật các hành vi vi phạm.

Điều 5. — Các Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước, Thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Trưởng ban Ban chỉ đạo quản lý thị trường trung ương có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra việc thực hiện.

Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 1984
T.M. Hội đồng Bộ trưởng
K.T. Chủ tịch
Phó chủ tịch
TỐ HỮU

DANH MỤC

những hàng hóa Nhà nước độc quyền kinh doanh, cấm tư nhân buôn bán.

(ban hành kèm theo quyết định số 111-HĐBT ngày 25-8-1984 của Hội đồng Bộ trưởng).

1. Các loại máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu mà Nhà nước độc quyền sản xuất, nhập khẩu và phân phối.

2. Lương thực: thóc, gạo, ngô, bột mì, sắn khô ở những vùng sản xuất tập trung mà Nhà nước khoanh vùng thu mua.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09664139

3. Các loại đặc sản dành để xuất khẩu.

4. Thuốc chữa bệnh và nguyên liệu làm thuốc chữa bệnh, các loại độc dược, hóa chất độc, thuốc phiện và sản phẩm từ thuốc phiện.

5. Vàng, bạc, bạch kim, kim cương, đá quý, ngoại tệ.

6. Giấy in, giấy viết, vở học sinh, giấy đánh máy, sách và báo các loại, ấn phẩm các loại, giấy ảnh, phim ảnh, đĩa nhạc, băng nhạc, băng ghi hình.

7. Thuốc lá, thuốc lào.

8. Lợn và trâu bò.

9. Những nông sản khác, thủy sản khác ở những vùng sản xuất tập trung mà Nhà nước khoanh vùng thu mua.

10. Gỗ; những lâm sản quan trọng ở những vùng sản xuất tập trung mà Nhà nước khoanh vùng thu mua.

11. Những hàng công nghiệp tiêu dùng do Nhà nước nhập khẩu, do các xí nghiệp quốc doanh và công tư hợp doanh sản xuất, những sản phẩm tiểu, thủ công nghiệp do Nhà nước gia công hoặc bao tiêu.

12. Rượu.

13. Pháo.

14. Các hiện vật văn hóa thuộc độc quyền sở hữu của Nhà nước.

Ghi chú : Việc mua bán trực tiếp lương thực, thực phẩm giữa người sản xuất và người tiêu dùng ở thị trường nông thôn không xem là hoạt động buôn bán.

QUYẾT ĐỊNH số 122-HĐBT ngày 19-9-1984 về cấp phát vốn mở mang diện tích nông, lâm nghiệp, xây dựng vùng kinh tế mới đối với khu vực kinh tế quốc doanh.

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4-7-1981 ;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính và thủ trưởng các ngành liên quan,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. — Hủy bỏ điểm 2, phần I quyết định số 95-CP ngày 27-3-1980 của Hội đồng Chính phủ về phân định nguồn vốn cấp phát ngân sách và tín dụng ngân hàng để mở mang diện tích nông, lâm nghiệp, xây dựng các vùng kinh tế mới của khu vực kinh tế quốc doanh.

Điều 2. — Từ ngày 1 tháng 10 năm 1984 trở đi, nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản đối với khu vực quốc doanh để mở rộng diện tích nông, lâm nghiệp, xây dựng vùng kinh tế mới, áp dụng đúng quy định của Điều lệ quản lý xây dựng cơ bản ban hành kèm theo nghị định số 232-CP ngày 6-6-1981 của Hội đồng Chính phủ.

Điều 3. — Các Bộ trưởng, Chủ nhiệm các Ủy ban Nhà nước, Thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com